

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 84/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2024.
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)*

Tên chương trình: Luật (Law)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Luật học

Mã ngành: 7380101

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Luật có kiến thức xã hội cơ bản, có kiến thức pháp lý nền tảng theo định hướng ứng dụng, tư duy độc lập, có phẩm chất chính trị, đạo đức đáp ứng nhu cầu xã hội, có khả năng thích ứng nhanh với sự phát triển của xã hội, có kỹ năng giải quyết các tình huống pháp lý cụ thể, khả năng tự nghiên cứu khoa học, đồng thời có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, ý thức trách nhiệm, trở thành người công dân có ích cho bản thân, gia đình, cộng đồng và thành công trong cuộc sống.

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân chuyên ngành Luật học tại Trường Đại học Kiên Giang sẽ trở thành người am hiểu pháp luật trong lĩnh vực dân sự, hình sự, kinh doanh thương mại, lao động, hành chính, pháp luật quốc tế, đủ khả năng đảm nhận những vị trí liên quan đến pháp lý tại các cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan hành chính nhà nước, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án, văn phòng công chứng, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

1.2.1 Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên

- PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn.

- PO2: Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành luật nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực pháp luật, cũng như vận dụng các kiến thức đó trong quá trình thực hiện pháp luật.

1.2.2 Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng

- PO3: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

Handwritten signature

- PO4: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

- PO5: Đánh giá, phân tích, tổng hợp, nhận xét, nêu quan điểm trước các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn cuộc sống. Vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức đã học để áp dụng trong quá trình giải quyết một tình huống pháp lý phát sinh.

- PO6: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư vấn pháp lý, kỹ năng tra cứu, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật.

1.2.3 Về thái độ:

- PO7: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập để giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO8: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khóa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật;

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1. Học phần khối kiến thức đại cương

PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.

PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh – Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi, công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT – BTTTT).

PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp.

PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng.

2.2. Học phần khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

PLO7: Vận dụng những kiến thức về lý luận nhà nước và pháp luật, lịch sử nhà nước và pháp luật, quản trị học, Luật Hiến pháp, quyền con người, xã hội học pháp luật, luật dân sự, luật hình sự vào trong thực tiễn cuộc sống.

PLO8: Áp dụng pháp luật chuyên ngành giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

PLO9: Thi hành pháp luật trong các lĩnh vực như tổ chức, quản lý, hoạt động tư vấn pháp luật, đàm phán, soạn thảo các hợp đồng, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

PLO10: Tham gia làm việc nhóm, làm việc độc lập, lắng nghe, tranh luận, phản biện, đưa ra kết luận đúng đắn, phù hợp với quy định của pháp luật và có thể bảo vệ quan điểm đúng của cá nhân.

Bảng 1: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	X	X			X	X				
PO2					X		X	X	X	X
PO3	X	X		X	X	X				X
PO4	X		X	X	X					
PO5					X	X	X	X	X	X
PO6					X		X	X	X	X
PO7	X	X			X	X	X	X	X	X
PO8	X	X			X	X	X	X	X	X

Bảng 2: Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K T 5	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1		X													
PLO2		X													
PLO3											X				
PLO4			X												
PLO5				X		X	X	X		X		X	X	X	X
PLO6							X					X			
PLO7	X	X			X	X			X	X				X	
PLO8	X				X	X			X	X				X	
PLO9	X			X	X	X			X	X				X	
PLO10				X	X	X		X	X	X		X	X	X	X

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3: Cấu trúc kiến thức của chương trình

ST T	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	75	18
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35	31	4
2.2	Kiến thức chuyên ngành	48	44	4
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng:		121	99	22

Bảng 4: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ	PLOs									
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PL O8	PL O9	PLO 10
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	X	X	X	X	X	X				
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	35	28,9%					X	X	X	X	X	
2.2	Kiến thức chuyên ngành	48	39,7%					X	X	X	X	X	X
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	8,3%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	Tổng cộng	121	100%										

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
1.1 Khối kiến thức bắt buộc			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25016	Xã hội học đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
1.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
1.3 Kiến thức tự chọn			4				
18	A25002	Âm nhạc đại cương	2	15	30	0	45
19	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	30	0	45
20	B25001	Tư duy hệ thống	2	15	30	0	45
21	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
22	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
23	H25011	Dân số sức khoẻ và môi trường	2	30	0	0	30
24	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	0	0	30
25	H26011	Sinh thái học môi trường	2	15	30	0	45
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
* Kiến thức cơ sở ngành			35				
Kiến thức bắt buộc			31				
26	A26080	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	20	0	10	30
27	A26081	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	30	0	15	45
28	A26082	Luật Hiến pháp	3	30	0	15	45
29	A26204	Quyền con người	2	20	0	10	30
30	A26086	Luật Hình sự 1	2	20	0	10	30
31	A26088	Luật Dân sự 1	2	20	0	10	30
32	A26085	Luật Hành chính	3	30	0	15	45



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
33	A26083	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	2	20	0	10	30
34	B26008	Quản trị học	3	30	0	15	45
35	A26205	Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật	2	15	30	0	45
36	A26206	Luật học so sánh	2	20	0	10	30
37	A26221	Xã hội học pháp luật	2	20	0	10	30
38	A26222	Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	2	20	0	10	30
39	A26223	Logic học đại cương	2	20	0	10	30
Kiến thức tự chọn			4				
40	A26224	Đạo đức nghề luật	2	20	0	10	30
41	B26037	Quản trị văn phòng	2	20	0	10	30
42	A26225	Học thuyết pháp lý	2	20	0	10	30
* Kiến thức ngành			48				
Kiến thức bắt buộc			44				
43	A27350	Luật Thương mại 1	2	20	0	10	30
44	A27351	Luật Thương mại 2	2	20	0	10	30
45	A27230	Luật Hình sự 2	2	14	0	16	30
46	A27231	Luật Dân sự 2	2	20	0	10	30
47	A27090	Luật Hôn nhân và gia đình	2	20	0	10	30
48	A27100	Luật thương mại quốc tế	2	20	0	10	30
49	A27091	Luật Tài chính - Ngân hàng	3	30	0	15	45
50	A27095	Công pháp quốc tế	3	30	0	15	45
51	A27233	Luật Lao động	3	30	0	15	45
52	A27364	Luật Tố tụng hình sự	2	15	30	0	45

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
53	A27099	Luật Tổ tụng dân sự	3	30	30	0	60
54	A27363	Luật Tổ tụng hành chính	2	15	30	0	45
55	A27093	Luật Đất đai	3	30	0	15	45
56	A27121	Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng	2	20	0	10	30
57	A27096	Tư pháp quốc tế	3	30	0	15	45
58	A27092	Pháp luật về thuế	2	20	0	10	30
59	A27107	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	2	20	0	10	30
60	A27124	Thực tập chuyên ngành Luật	4	0	120	0	120
Kiến thức tự chọn			4				
61	A27104	Luật Sở hữu trí tuệ	2	20	0	10	30
62	A27094	Luật Môi trường	2	20	0	10	30
63	A27108	Pháp luật về cạnh tranh	2	20	0	10	30
64	A27116	Pháp luật về bồi thường thiệt hại và trách nhiệm dân sự	2	20	0	10	30
65	A27105	Tội phạm học	2	20	0	10	30
Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương			10				
66	A28065	Khóa luận tốt nghiệp	10				
Kiến thức tự chọn			10				
67	A28066	Pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng	2	20	0	10	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
68	A28067	Nghiệp vụ tòa án	2	20	0	10	30
69	A28068	Nghề luật sư và hoạt động tư vấn pháp luật	2	20	0	10	30
70	A28069	Pháp luật về công chứng, chứng thực và thừa phát lại	2	20	0	10	30
71	A28070	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2	20	0	10	30

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo.

vinhul

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 *Thành*

Nguyễn Văn Thành